

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huệ

Ông Huỳnh Mậu Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1983, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: USA.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1993, (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị A trình bày: Chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2019 và được Ủy nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương tại nhà cha mẹ chị A và anh B. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại nhà cha mẹ chị A và cha mẹ anh B tại Bạc Liêu, Sóc Trăng khoảng 01 tháng thì chị A trở về Hoa Kỳ. Chị A và anh B sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, chị A sống ở Hoa Kỳ còn anh B sống ở Việt Nam, vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau hơn 01 năm nay. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và chị A không thể bảo lãnh anh B sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ và không thể hàn gắn được, nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh B trình bày: Anh B thống nhất anh và chị A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện O ngày 26/12/2019. Anh và chị A chung sống với nhau thời gian ngắn, đến tháng 02/2020 chị A trở về Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay, thời gian đầu khoảng 01 năm thì vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng sau đó chị A không liên lạc với anh nữa, anh B cũng không biết lý do gì. Nay anh B xác định không còn tình cảm với chị A, vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau khoảng 02 năm nay, chị A cũng không làm thủ tục bảo lãnh anh sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ nên anh B đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh và chị A không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, anh B xác định: Ngày cưới cha mẹ và anh chị em của anh B, chị A có cho vợ chồng các tài sản: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k; 01 đôi bông 1 chỉ 03 phân vàng 24k; 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24k; 01 dây chuyền 04 chỉ vàng 24k; 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng trắng; 03 nhẫn mỗi nhẫn 01 chỉ vàng 24k; 01 nhẫn 03 phân vàng 24k; số tiền 2.700 USD; 01 lượng vàng 24k; 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24k. Hiện các tài sản nêu trên chị A đang quản lý, nay anh B yêu cầu được chia đôi các tài sản trên.

Tại phiên tòa, anh B tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh B và chị A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có, không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Do anh B tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của anh B; Án phí chị A phải chịu theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị A đang cư trú tại địa chỉ: , USA, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Ngày 09/01/2023, nguyên đơn chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với Kim Anh.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A và anh B thống nhất xác định anh chị tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2019 theo quy định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban dân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau trong thời gian ngắn khoảng 01 tháng tại nhà cha mẹ chị A và anh B; Đầu năm 2020, chị A trở về Hoa Kỳ sinh sống, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi không thể đoàn tụ và anh chị đã không còn liên lạc với nhau, nay chị A xác định hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, theo đó thì giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hiện nay chị A và anh B không còn chung sống và liên lạc với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về con chung: Chị A và anh B thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh B xác định anh B và chị A có các tài sản chung gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k; 01 đôi bông 1 chỉ 03 phân vàng 24k; 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24k; 01 dây chuyền 04 chỉ vàng 24k; 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng trắng; 03 nhẫn mỗi nhẫn 01 chỉ vàng 24k; 01 nhẫn 03 phân vàng 24k; số tiền 2.700 USD; 01 lượng vàng 24k; 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24k; các tài sản trên được gia đình anh chị cho trong ngày cưới và hiện nay chị A đang quản lý, anh B yêu cầu được chia đôi. Chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung.

[7] Tại phiên tòa, anh B rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh B là

hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của anh B, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh B.

[8] Về nợ chung: Chị A và anh B xác định không có nợ chung, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị A phải chịu theo quy định, chị A đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí.

[9.2] Án phí dân sự có giá ngạch: Do chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của anh B về việc chia tài sản chung, đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của anh B nên căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh B không phải chịu án phí có giá ngạch, anh B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.267.000đ (Năm triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) được trả lại toàn bộ cho anh B.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A và xử cho chị A được ly hôn anh B; Về con chung và nợ chung, không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Chấp nhận việc tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố của anh B về việc chia tài sản chung, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh B; Án phí hôn nhân và gia đình chị A phải chịu; Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho anh B. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 177; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; Điều 469; Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 122; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Chị A và anh B xác định không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh B về chia tài sản chung gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k; 01 đôi bông 1 chỉ 03 phân vàng 24k; 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24k; 01 dây chuyền 04 chỉ vàng 24k; 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng trắng; 03 nhẫn mỗi nhẫn 01 chỉ vàng 24k; 01 nhẫn 03 phân vàng 24k; số tiền 2.700 USD; 01 lượng vàng 24k; 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24k.

4. Về nợ chung: Chị A và anh B xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000375 ngày 16/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5.2. Án phí dân sự có giá ngạch: Anh B không phải chịu, anh B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.267.000đ (Năm triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000414 ngày 27/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ số tiền 5.267.000đ (Năm triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện O;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt